

UBND TỈNH NAM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /KH-SXD

Nam Định, ngày tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch 26/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên của tỉnh Nam Định

Thực hiện nội dung Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/02/2025 và văn bản số 106/UBND-VP3 ngày 07/3/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Xây dựng xây dựng kế hoạch thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Cụ thể hoá Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 26/KH-UBND của UBND tỉnh Nam Định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình của Sở, tỉnh; là căn cứ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội thuộc lĩnh vực được giao phụ trách, phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu tăng trưởng kế hoạch năm 2025 và cả giai đoạn 5 năm 2021- 2025 đã đề ra.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, lĩnh vực công tác được giao các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung đã nêu trong Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của Sở. Đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất của Lãnh đạo Sở, sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chuyên môn, đơn vị đối với những nhiệm vụ, mục tiêu tăng trưởng của các lĩnh vực quản lý theo đúng tinh thần Nghị quyết của Chính phủ, Kế hoạch của UBND tỉnh và Sở.

- Hoàn thành một số chỉ tiêu tăng trưởng chủ yếu năm 2025 và kịch bản tăng trưởng của ngành Xây dựng (gửi kèm Phụ lục II của Kế hoạch 26/KH-UBND).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng năm 2025 và cả giai đoạn 5 năm 2021-2025 tạo nền tảng vững chắc để đạt tốc độ tăng trưởng hai con số trong giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch của UBND tỉnh; các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở theo dõi sát, nắm chắc diễn biến tình hình, phối

hợp chặt chẽ, thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thuộc ngành, lĩnh vực được giao phụ trách; phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; có tư duy đổi mới, đột phá, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng ngành, lĩnh vực và tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2025 đạt từ 10,5% trở lên theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025, Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và kịch bản tăng trưởng tại Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh đã đề ra.

- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định năm 2025; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 17/01/2025 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, cụ thể:

- Triển khai, phổ biến Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050,... Triển khai điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Lập kế hoạch phát triển nhà ở 5 năm giai đoạn 2026-2030,...

- Phối hợp đẩy nhanh tiến độ thi công, giải phóng mặt bằng, thực hiện thủ tục các dự án trọng điểm của tỉnh, đảm bảo tiến độ, cụ thể như sau: Hoàn thành và đưa vào vận hành khai thác các dự án: Tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - đường bộ ven biển; Giai đoạn II Dự án xây dựng tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình; Đường trục phía Nam thành phố Nam Định (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến Quốc lộ 21B); cầu qua sông Đào; cầu vượt sông Đáy; Bệnh viện đa khoa tỉnh; Trung tâm lễ hội thuộc khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần (giai đoạn II) và các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;...

- Tiếp tục phối hợp đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án: Các dự án xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu tái định cư của các huyện, thành phố,...; đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện thủ tục dự án Xây dựng tuyến đường cao tốc Hà Nam – Nam Định (CT.11), giai đoạn 1 từ thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến thành phố Nam Định,... Tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng và phối hợp khởi công xây dựng dự án Tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định; xây dựng cầu Ninh Cường,...

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt các giải pháp trong công tác giải phóng mặt bằng, phối hợp với nhà đầu tư để sớm triển khai các dự án

của Tập đoàn Xuân Thiện tại khu vực Cồn Xanh, huyện Nghĩa Hưng.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị liên quan tổ chức phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi các phương tiện vận tải qua thiết bị giám sát hành trình và đường dây nóng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và tổ chức quản lý, thực hiện tốt các loại quy hoạch. Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Chương trình hành động số 30-CTr/TU ngày 17/02/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nội dung Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch liên vùng; các quy hoạch chung đô thị; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

3. Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 21/02/2025 và Kế hoạch của Sở Xây dựng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Tiếp tục thực hiện nghiêm, có hiệu quả các chỉ tiêu nhiệm vụ chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử gắn với đảm bảo an toàn thông tin mạng hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy chuyển đổi số trên các lĩnh vực phụ trách. Đẩy nhanh triển khai các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông, ưu tiên rà soát tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nam Định; thực hiện nghiêm việc công bố, công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính theo quy định; 100% hồ sơ thủ tục hành chính phải được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh triển khai Đề án 06, đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu người dân, doanh nghiệp,...

5. Tập trung đẩy mạnh rà soát, sửa đổi bổ sung hoặc bãi bỏ thủ tục hành chính, quy định không cần thiết làm phát sinh chi phí tuân thủ cho người dân,

doanh nghiệp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao năng lực thực thi của cán bộ, công chức. Thực hiện quyết liệt, hiệu quả chủ trương tinh giản, sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và chỉ đạo của Trung ương.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên, các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở nghiêm túc triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả.

2. Các đồng chí Trưởng phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ 20 hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện về Văn phòng Sở để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện về việc thực hiện Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về mục tiêu tăng trưởng các ngành, lĩnh vực và địa phương bảo đảm mục tiêu tăng trưởng cả nước năm 2025 đạt 8% trở lên của Sở Xây dựng./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Nam Định (để báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Giám đốc Sở Xây dựng;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở;
- Website Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Khánh

Phụ lục II
KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG TỔNG SẢN PHẨM (GRDP) NĂM 2025
THEO TỪNG KHU VỰC KINH TẾ (THEO GIÁ SO SÁNH NĂM 2010) TỈNH NAM ĐỊNH
(Kèm theo Kế hoạch số: 26 /KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: %

S T T	Ngành kinh tế	Kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2025 (10,5%)						
		Quý I	Quý II	6 tháng	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	Tốc độ tăng Tổng sản phẩm GRDP (theo giá so sánh)	8,9	10,0	9,5	11,6	10,2	11,1	10,5
I	Phân theo khu vực kinh tế							
1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,4	3,2	3,0	2,9	3,1	2,8	3,0
2	Công nghiệp và xây dựng	11,8	15,4	13,8	15,6	14,5	15,3	14,8
	- Công nghiệp	11,6	15,5	13,6	15,7	14,4	15,2	14,6
	- Xây dựng	12,6	15,8	14,3	15,8	15,0	15,96	15,2
3	Dịch vụ	8,4	8,9	8,6	8,8	8,7	9,4	8,9
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	10,3	11,0	10,7	11,1	10,9	11,4	11,0
II	Phân theo ngành kinh tế cấp I							
	A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3,7	2,0	2,6	3,1	2,8	3,8	3,0

	B. Khai khoáng	-1,6	-7,2	-5,3	-15,7	-10,5	-62,4	-35,0
	C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	13,3	15,6	14,6	15,0	14,8	15,6	15,0
	D(35). Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	3,0	4,1	3,6	9,0	5,4	6,0	5,5
	E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	5,2	6,7	6,0	6,4	6,2	13,4	7,9
	F. Xây dựng	12,6	15,8	14,3	15,8	14,9	15,9	15,2
	G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,4	9,8	9,6	9,1	9,4	10,1	9,6
	H. Vận tải kho bãi	-0,2	2,9	1,4	-0,5	0,7	0,1	0,5
	I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	17,0	17,0	17,0	16,2	16,7	16,3	16,6
	J. Thông tin và truyền thông	6,9	7,0	6,9	6,7	6,9	6,8	6,8
	K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	6,4	8,2	7,3	9,2	8,0	8,4	8,1
	L(68). Hoạt động kinh doanh bất động sản	7,8	8,5	8,1	7,1	7,7	8,4	7,9
	M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	4,4	8,0	6,3	7,0	6,6	7,0	6,7

	N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	12,6	12,9	12,7	13,1	12,9	13,0	12,9
	O(84). Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	10,0	11,0	10,5	10,4	10,5	16,1	12,1
	P(85). Giáo dục và đào tạo	1,4	1,5	1,5	2,5	1,8	4,3	2,4
	Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	5,7	6,9	6,4	8,7	7,1	7,7	7,3
	R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	5,1	6,9	6,0	6,8	6,3	6,9	6,5
	S. Hoạt động dịch vụ khác	6,0	6,4	6,2	6,1	6,2	6,3	6,2
	T. Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5,9	5,3	5,6	6,3	5,8	6,5	6,0
	U(99). Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế							